

Bản án số: 142/2024/DS-ST
Ngày: 27/8/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lại;
- Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 88/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trương Vũ L, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: bà Trần Thị N, sinh năm 1968 và ông Dương Văn H, sinh năm 1965; cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh (bà N, ông H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – ông Trương Vũ L trình bày:

Ông và bà Trần Thị N có quan hệ quen biết, ông là hụi viên tham gia góp hụi do bà N làm chủ hụi, ông và bà N không có quan hệ bà con ruột thịt.

Ông tham gia góp hụi trong các dây hụi do bà N làm chủ hụi như sau:

02 dây hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 08/12/2021 (âm lịch) dây 1, dây 2, hụi khai 01 tháng 1 lần, mỗi dây gồm 26 phần, hụi mãn vào ngày 08/01/2024 âm lịch, ông tham gia 02 phần trong 02 dây, tên trong danh sách hụi là “em L”. Ông hốt 01 phần trong dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 08/12/2021 (dây 1) vào kỳ hụi thứ 15 được số tiền 110.700.000 đồng. Ông đóng lại tiền hụi sống của dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 08/12/2021 (dây 2) và tiền còn 2.500.000 đồng. Bà N đưa cho ông số tiền còn lại 104.800.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông đóng hụi chết đầy đủ đến tháng 10/2023 âm lịch, từ tháng 10/2023 âm lịch bà N tuyên bố bế hụi nên ông ngưng không đóng hụi chết. Ông còn nợ lại bà N 3 kỳ hụi chết. Còn lại một phần hụi trong dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 08/12/2021 (dây 2) ông chưa hốt, ông đóng được 23 kỳ hụi sống, còn 03 kỳ hụi nữa là mãn hụi, do bà N tuyên bố bế hụi. Số tiền hụi gốc của dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 08/12/2021 (dây 2) ông góp được bao nhiêu thì ông không nhớ cụ thể. Bà N thỏa thuận sẽ trả lại cho ông số tiền hụi gốc là 80.000.000 đồng.

Ông có tham gia góp hụi dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 25/7/2022 (âm lịch), hụi khai 01 tháng 1 lần, gồm 26 phần chia làm 02 dây, dây 1, dây 2 mỗi dây ông tham gia mỗi dây 01 phần, tên trong danh sách hụi là “chồng H1”. Ông đã đóng được 15 kỳ hụi sống, ông chưa hốt phần hụi nào trong 02 dây hụi này. Số tiền hụi gốc bà N gọi điện thỏa thuận sẽ trả cho ông là 4.000.000 đồng x 15 kỳ x 2 phần = 120.000.000 đồng.

Ông có tham gia góp hụi 01 dây hụi 2.000.000 đồng khai cùng ngày 30/02/2023 (âm lịch) tháng 2 sau do năm 2023 có 02 tháng 2, hụi khai 01 tháng 1 lần, mỗi dây gồm 24 phần. Ông tham gia 02 phần, tên trong danh sách hụi là Em L1, ông đóng được 7 kỳ hụi sống, số tiền hụi gốc ông đóng được bao nhiêu thì ông không nhớ và bà N liên lạc qua điện thoại chốt lại số tiền hụi gốc ông đã góp là 7 x 1.500.000 đồng x 2 phần = 21.000.000 đồng. Số tiền lãi ông được hưởng là 7.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi chết ông còn nợ lại của dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 08/12/2021 (dây 1) là 15.000.000 đồng. Bà N đã trừ cho ông trong số tiền hụi sống dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 08/12/2021 (dây 2) ông được hưởng. Nên số tiền còn lại là 80.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi sống bà N còn nợ lại ông số tiền hụi sống đã góp là 221.000.000 đồng.

Bà N, ông và bà Nguyễn Thị Kiều O có điện thoại trao đổi 03 bên là bà O có nghĩa vụ sẽ giao cho ông số tiền 129.000.000 đồng tiền hụi chết bà O còn nợ của bà N. Số tiền còn lại 92.000.000 đồng bà N hứa sẽ trả cho ông trong ngày 15/02/2024 âm lịch nhưng đến hạn bà N không trả còn thách thức ông đi kiện.

Trong đơn khởi kiện ông yêu cầu bà N, ông H có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 112.000.000 đồng. Nay ông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của ông đối với bà

N, ông H đối với số tiền 20.000.000 đồng. Ông chỉ khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N và ông Dương Văn H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền hụi gốc 92.000.000 (chín mươi hai triệu) đồng, ông không yêu cầu bà N, ông H trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - bà Trần Thị N trình bày:

Bà và ông Trương Vũ L có quan hệ quen biết, ông L là hụi viên tham gia góp hụi do bà làm chủ hụi, ông L và bà không có quan hệ bà con ruột thịt.

Bà thừa nhận bà có cho ông L có tham gia góp hụi 02 dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 08/12/2021 (âm lịch), hụi khai 01 tháng 1 lần, gồm 26 phần mỗi dây, hụi mãn vào ngày 08/01/2024 âm lịch, ông L tham gia 02 phần trong 02 dây hụi. Ông L hốt hết 01 phần hụi. Ông L còn nợ lại bà 0 kỳ hụi chết với số tiền 15.000.000 đồng.

Còn 01 phần hụi trong dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 08/12/2021 (âm lịch), thì ông L chưa hốt. Trong dây hụi này ông L đóng được 23 kỳ hụi với số tiền hụi vốn là $23 \times 4000.000 \text{ đồng} = 92.000.000 \text{ đồng}$. Đã khấu trừ số tiền hụi chết ông L còn nợ của bà 3 kỳ hụi chết thì hiện nay bà còn nợ lại tiền hụi sống của ông L dây hụi này là 80.000.000 đồng.

Ông L có tham gia góp hụi 02 dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 25/7/2021 (âm lịch), hụi khai 01 tháng 1 lần, mỗi dây gồm 26 phần, ông L tham gia mỗi dây 01 phần. Ông L chưa hốt phần hụi nào. Ông L đóng được 15 kỳ hụi sống, bà và ông L đã gặp nhau và chốt lại với số tiền 120.000.000 đồng tiền hụi sống.

Ông L có tham gia góp hụi 01 dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 30/02/2023 (âm lịch) tháng 2 sau do năm 2023 có 02 tháng 2, hụi khai 01 tháng 1 lần, gồm 24 phần, ông L tham gia góp 02 phần. Ông L đóng được 7 kỳ hụi sống, bà và ông L có trao đổi qua điện thoại và chốt lại với số tiền 21.000.000 đồng tiền hụi sống.

Tổng cộng tiền hụi gốc bà thiếu ông L là 221.000.000 đồng, trừ tiền hụi bà O còn nợ của bà cho ông L, bà còn nợ lại ông L là 92.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho ông L số tiền 92.000.000 (chín mươi hai triệu) đồng, xin không trả lãi. Không yêu cầu ông H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - ông Dương Văn H trình bày:

Ông và bà Trần Thị N có mối quan hệ là vợ chồng. Ông và bà N sống chung với nhau từ trước năm 1986. Ông và ông Trương Vũ L có quan hệ quen biết, ông L là hụi viên tham gia góp hụi do N làm chủ hụi. Ông L và ông không có quan hệ bà con ruột thịt.

Ông thống nhất với toàn bộ lời khai, lời trình bày của bà N trong suốt quá trình giải quyết vụ án về nội dung ông L tham gia góp hụi với bà N.

Ông không đồng ý theo yêu cầu kiện của ông Trương Vũ L buộc vợ chồng ông có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền hụi sống 112.000.000 (một trăm mười hai triệu) đồng.

Lý do ông có biết bà N tổ chức hụi tuy nhiên bà N tổ chức bao nhiêu dây hụi và số tiền của mỗi dây hụi, danh sách hụi như thế nào thì ông không biết. Ông không trực tiếp gom tiền hụi của các hụi viên, cũng như không nhận tiền hụi của ông L. Ông không có liên quan gì trong việc tổ chức hụi của bà N. Ông không được hưởng lợi ích gì từ việc bà N tổ chức hụi.

Ông hiện nay lớn tuổi ở nhà phụ việc nhà và phụ với con trai thứ 3 trồng cây giống.

Bà N tổ chức hụi cách đây khoảng 4 đến 5 năm, lúc đầu thì bà N tổ chức những dây hụi với số tiền hụi khoảng 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/tháng sau này thì mới tổ chức thêm nhiều dây hụi lớn với số tiền 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Con trai lớn hiện nay sống chung nhà với vợ chồng ông, đi làm có thu nhập giao hết tiền cho bà N lo chi tiêu sinh hoạt trong gia đình; hiện nay không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập.

Vợ chồng ông không còn vay mượn khoản tiền, tài sản nào khác của ông L.

Tại phiên tòa: Ông L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà N, ông H có nghĩa vụ trả cho ông số tiền hụi gốc 92.000.000 đồng.

Bà N, ông H vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình; nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, bêu, phường; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Vũ L. Buộc bà Trần Thị N và ông Dương Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền hụi gốc là 92.000.000 (chín mươi hai triệu) đồng. Ghi nhận ông L không yêu cầu tính lãi.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Vũ L đối với số tiền 20.000.000 đồng.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng góp hụi” được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Ông Dương Văn H, bà Trần Thị N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N1, ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trương Vũ L thì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L và bà N1 đều thừa nhận sau khi tuyên bố bãi hụi bà N1 và ông L có gặp nhau chốt lại số tiền hụi gốc ông L góp được hiện nay bà N1 còn nợ lại là 92.000.000 đồng. Tuy nhiên bà N1 cho rằng bà làm hụi riêng, thu nhập có được từ việc làm thảo hụi bà dùng để khám chữa bệnh cho bản thân và đóng hụi thay cho các hụi viên đã hốt (lĩnh) hụi nhưng không đóng hụi chết. Ông Dương Văn H không liên quan đến giao dịch hụi giữa bà với ông L. Bà không yêu cầu ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả nợ cho ông L số tiền 92.000.000 đồng.

[2.2] Đối với ông Dương Văn H: Quá trình giải quyết vụ án ông H trình bày ông không liên quan đến việc giao dịch hụi giữa bà N1 với bà ông L, nên không đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng bà N1 trả tiền theo yêu cầu của ông L.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án bà N1, ông H đều khai việc lo các chi phí sinh hoạt trong gia đình là do bà N1 lo liệu, ông H và các con đi làm về giao tiền cho bà N1 chi tiêu. Hiện nay ông H và các con sống chung nhà với bà N1, các khoản chi tiêu sinh hoạt là sinh hoạt chung do đó tiền hoa hồng bà N1 kiếm được từ việc tổ chức hụi đều nhằm mục đích chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình. Đồng thời bà N1 dùng tiền tổ chức hụi để chằng hụi cho các hụi viên khác đã hốt hụi nhưng không đóng hụi chết và đi khám chữa bệnh cho bà N1. Ông H biết việc bà N1 tổ chức hụi nhưng không phản đối.

[3] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở kết luận giao dịch góp hụi giữa ông L với bà N1 là giao dịch dân sự hợp pháp. Việc bà N1 tham gia hụi với tư cách là chủ hụi nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và khám chữa bệnh cho bản thân. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của ông L buộc ông Dương Văn H và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền hụi gốc còn nợ lại là 92.000.000 (chín mươi hai triệu) đồng.

[4] Quá trình giải quyết vụ án ông L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi là 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Dương Văn H và bà Trần Thị N phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Vũ L được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường; Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Vũ L đối với ông Dương Văn H và bà Trần Thị N về việc “Tranh chấp về hợp đồng góp hụi”.

Buộc ông Dương Văn H và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Vũ L số tiền hụi gốc còn nợ lại là 92.000.000 (chín mươi hai triệu) đồng. Ghi nhận ông L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Vũ L đối với số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

3. Về án phí:

Ông Dương Văn H và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới chịu 4.600.000 (bốn triệu sáu trăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Vũ L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009265 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Ông L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bà N, ông H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân